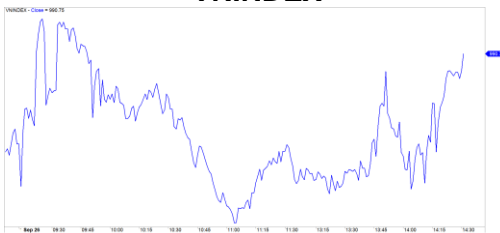


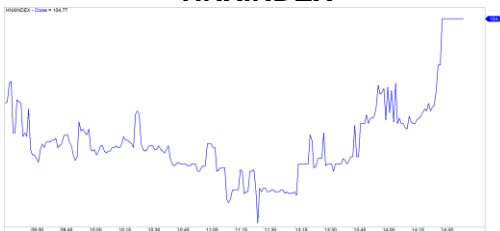
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	990.75	104.77	57.22
% ngày	0.35%	0.92%	0.88%
% tuần	-0.64%	0.70%	0.93%
% tháng	0.80%	1.91%	-0.54%
% năm	-1.87%	-9.35%	5.86%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,418	480	219
TB 1 tuần	4,088	381	212
TB 1 tháng	3,869	370	326
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	302.77	5.77	35.25
Bán	409.53	5.37	14.24
Giá trị ròng	-106.76	0.40	21.01
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	147	67	192
Mã Giảm	139	58	98
Không Đổi	100	243	610
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.67	9.20	18.61
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,348	190	974
LS Cổ tức	1.39%	3.99%	5.28%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường tích cực giúp các chỉ số tiếp tục xu hướng hồi phục. VN-Index chốt phiên tăng 0.35% dừng tại 987.3 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng khá mạnh 0.92% neo tại 104.77. Chỉ số Upcom-Index tăng 0.88% chốt tại 57.22 điểm. Dòng tiền cải thiện rõ nét khi giá trị giao dịch khớp lệnh tăng lên 3,600 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Nhóm bluechip dẫn dắt xu hướng tăng trong đó nổi bật là nhóm Tài chính có thể kể ra SSI(+4.6%), SHS(+7.9%), HCM(+4.9%), VND(+2.2%), MBB(+2%), TCB(+2%), CTG(+1.7%). Các trụ lớn cũng tham gia vào đà tăng như VNM tăng +2.8% đang đóng cửa ở 130,000 đồng/cp mức giá cao nhất phiên, GAS cũng có phiên tăng +1.6% sau nhịp điều chỉnh ngắn vừa qua. Nhiều cổ phiếu trải qua nhịp giảm sâu vừa qua cũng hồi phục khá tốt như DPM(+4.2%), ASM(+3%), TCM(+2.4%), PPC(+3.5%)...

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với tổng giá trị 83.4 tỷ đồng trên toàn thị trường. VCB(33.4 tỷ) và chứng chỉ quỹ E1VFN30(25.6 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM(+45.7 tỷ), VCI(14.5 tỷ) dẫn đầu danh sách mua ròng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index vượt cản 990 thì sẽ hướng về mức kháng cự tâm lý 1,000 điểm. Điểm tích cực là nhóm cổ phiếu tài chính – ngân hàng đang dẫn dắt thị trường cho thấy kịch bản vượt mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index là có khả năng xảy ra. Đồng thời, độ rộng thị trường và tâm lý nhà đầu tư tiếp tục được cải thiện, đặc biệt chỉ số VNMidcaps có khả năng sẽ bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy dòng tiền ngắn hạn sẽ tiếp tục gia tăng ở Midcaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 981.24 của chỉ số VN-Index và 102.98 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 57% cổ phiếu/43% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.65	GIẢM	GIẢM		16.39				17.82		
ACB	23.30	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	75.80	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	0.00%			83.54		
ANV	25.90	TĂNG	GIẢM	25.90	25.51	0.00%	MUA		27.58		
ASM	7.45	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	18.25%		7.61	6.66	-2.10%	MUA
BFC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.28				17.01		
BID	40.15	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	22.97%		33.40	35.10	20.21%	
BMP	52.00	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	0.39%		48.30	45.44	7.66%	
BSR	9.40	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-6.93%			10.51		
BVH	72.30	GIẢM	GIẢM		75.02				81.08		
BWE	25.90	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.81%		20.00	25.45	29.50%	
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	20.75	GIẢM	GIẢM		21.17				22.52		
CMG	36.80	GIẢM	TĂNG		39.03			23.20	34.96	58.62%	
CMX	25.00	GIẢM	GIẢM		27.78			5.91	26.88	354.77%	
CSM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	4.24%	
CTD	96.30	TĂNG	GIẢM	97.00	91.36	-0.72%			107.77		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
CTR	44.70	TĂNG	N/A	46.50	38.74	-3.87%		-	N/A		
CVT	21.80	TĂNG	TĂNG	21.25	20.20	2.59%		20.35	18.94	7.13%	
DCM	7.50	TĂNG	GIẢM	8.47	7.49	-11.45%		8.54	7.92	-7.29%	
DGC	26.40	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-5.04%			30.54		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	23.89	3.46%		23.50	21.45	8.30%	
DHA	30.50	GIẢM	GIẢM		33.26				35.88		
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		
DHG	91.90	GIẢM	GIẢM		93.41				100.58		
DIG	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	13.48	1.75%		13.90	12.65	4.32%	
DPG	44.40	GIẢM	GIẢM		45.95				50.61		
DPM	13.60	TĂNG	GIẢM	13.60	13.50	0.00%	MUA		14.62		
DPR	37.10	GIẢM	GIẢM		38.03				43.99		
DQC	17.95	GIẢM	GIẢM		18.63				20.27		
DRC	23.95	TĂNG	TĂNG	22.80	22.69	5.04%		21.60	19.76	10.88%	
DXG	16.90	TĂNG	TĂNG	16.15	16.31	4.64%		15.50	13.41	9.03%	
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.27				18.33		



We Create Fortune

FCN	12.20	GIẢM	GIẢM		12.49			13.36			
FMC	26.75	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-15.35%	
FPT	57.70	TĂNG	TĂNG	45.20	55.64	27.65%		46.00	50.13	25.43%	
GAS	104.00	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-1.14%			109.55		
GEX	22.20	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	0.00%		20.20	19.99	9.90%	
GIL	21.00	TĂNG	GIẢM	21.00	20.83	0.00%	MUA		24.35		
GMD	27.90	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.18%		28.50	26.02	-2.11%	
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.70	GIẢM	N/A		14.50				N/A		
HAG	4.53	GIẢM	GIẢM		4.67				5.34		
HAX	17.50	GIẢM	TĂNG		20.24			15.75	17.40	11.11%	
HBC	14.60	TĂNG	GIẢM	13.70	13.64	6.57%			15.19		
HCM	24.80	TĂNG	TĂNG	22.15	22.27	11.96%		23.40	23.15	5.98%	MUA
HDB	26.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.59	0.76%			27.71		
HDC	20.80	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	-6.09%		15.25	18.89	36.39%	
HDG	35.00	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.85%	
HNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.76				19.09		
HPG	22.25	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HSG	6.47	GIẢM	GIẢM		6.78				7.44		
HT1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.79				16.70		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	4.17%			2.83		
HVN	32.85	GIẢM	GIẢM		34.28				37.60		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.48			15.35	14.37	-3.26%	
KDH	25.95	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	13.32%		24.00	22.20	8.13%	
KSB	21.80	GIẢM	TĂNG		23.11			23.90	21.11	-8.79%	
LCG	9.80	TĂNG	GIẢM	9.60	9.11	2.08%			10.55		
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	23.47%		9.89	8.90	2.12%	
LHG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.25			19.30	17.32	-10.26%	BÁN
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
LSS	5.00	GIẢM	GIẢM	5.29	5.00	-5.41%	BÁN		5.67		
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	21.45	1.80%		21.85	19.67	3.43%	
MPC	26.90	GIẢM	GIẢM		27.39				34.77		
MSN	78.50	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	0.64%			81.93		
MSR	16.90	GIẢM	GIẢM		18.87				18.90		
MWG	126.00	TĂNG	TĂNG	122.40	120.26	2.94%		88.70	108.74	42.05%	
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	24.82%	
NKG	5.69	GIẢM	GIẢM		5.97				6.66		
NLG	28.05	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-2.26%	
NT2	24.05	GIẢM	GIẢM		24.64				26.43		



We Create Fortune

NTL	23.80	TĂNG	GIẢM	23.70	22.62	0.42%			26.18		
NVL	62.20	TĂNG	GIẢM	64.00	61.40	-2.81%			62.33		
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PAC	28.30	TĂNG	GIẢM	28.70	26.77	-1.39%			31.05		
PC1	21.35	GIẢM	TĂNG		21.49			21.10	17.93	1.18%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			29.00	25.01	-9.66%	
PHR	57.80	GIẢM	GIẢM		58.69				65.88		
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		62.28			62.40	59.59	-2.88%	
PNJ	80.70	TĂNG	TĂNG	82.70	80.55	-2.42%		104.00	78.69	-22.40%	
POW	12.30	GIẢM	GIẢM		12.78				14.03		
PVT	17.55	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-3.57%		18.30	16.28	-4.10%	
PPC	26.50	TĂNG	GIẢM	26.50	25.83	0.00%	MUA		28.78		
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		69.48			64.00	64.57	7.03%	
PVB	19.40	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	19.27	-3.48%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	18.50	17.30	-3.78%		18.10	15.86	-1.66%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.64				37.59		
PVS	20.10	TĂNG	GIẢM	20.70	19.07	-2.90%			22.57		
PXS	4.68	GIẢM	GIẢM		5.09				6.02		
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.32			33.80	27.78	-11.54%	
REE	39.65	TĂNG	TĂNG	37.15	36.81	6.73%		33.33	33.81	18.98%	
SAB	263.50	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	7.55%	
SAM	7.89	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.25%		7.40	7.69	6.62%	
SCR	6.47	GIẢM	GIẢM		6.75				7.01		
SHI	9.39	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	11.92%		6.99	8.30	34.33%	
SJS	16.50	GIẢM	GIẢM		17.29			-	19.71		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.13		
SSI	22.65	TĂNG	GIẢM	21.65	20.91	4.62%			23.26		
STB	10.70	TĂNG	GIẢM	10.55	10.15	1.42%			11.09		
TCB	23.10	TĂNG	TĂNG	22.65	22.30	1.99%		22.65	19.95	1.99%	
TCM	23.45	TĂNG	GIẢM	23.00	21.76	1.96%			25.52		
TDH	11.05	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	17.55%		10.15	9.06	8.87%	
TLH	4.48	GIẢM	GIẢM		4.69				5.11		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		18.86				20.91		
VCB	81.00	TĂNG	TĂNG	80.00	78.85	1.25%		62.00	73.39	30.65%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	104.00	TĂNG	TĂNG	87.80	93.53	18.45%		68.00	78.29	52.94%	
VGC	19.30	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	0.26%			20.53		
VGT	9.00	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	1.12%			9.82		
VHC	79.20	TĂNG	GIẢM	80.80	76.22	-1.98%			87.88		



We Create Fortune

VHM	88.70	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.60%		90.20	79.23	-1.66%	
VIB	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	17.87	0.00%	MUA	17.70	16.40	2.82%	
VIC	119.00	GIẢM	TĂNG		123.16			112.00	113.76	6.25%	
VIP	5.07	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-1.55%			5.48		
VJC	136.00	GIẢM	TĂNG		139.67			124.50	125.49	9.24%	
VND	14.25	TĂNG	GIẢM	14.10	13.52	1.06%			15.06		
VNG	21.40	TĂNG	TĂNG	19.10	20.89	12.04%		20.20	19.13	5.94%	
VNM	130.00	TĂNG	TĂNG	124.00	122.38	4.84%			128.24		
VPB	21.65	TĂNG	TĂNG	19.10	20.74	13.35%		20.30	18.50	6.65%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.20	40.55	-0.47%		41.30	39.27	1.69%	
VRC	15.90	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	3.92%			16.26		
VRE	32.75	GIẢM	GIẢM		34.78			35.00	33.61	-3.98%	
VSC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.20				31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.30	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	40.15	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	22.97%		33.40	35.10	20.21%	
BSR	9.40	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-6.93%			10.51		
BVH	72.30	GIẢM	GIẢM		75.02				81.08		
CTG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.85	20.47	1.44%			21.90		
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.27				18.33		
FPT	57.70	TĂNG	TĂNG	45.20	55.64	27.65%		41.00	50.13	40.74%	
GAS	104.00	TĂNG	GIẢM	105.20	101.15	-1.14%			109.55		
HDB	26.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.59	0.76%			27.71		
HNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.76				19.09		
HPG	22.25	GIẢM	GIẢM		22.80				23.96		
HVN	32.85	GIẢM	GIẢM		34.28				37.60		
KDH	25.95	TĂNG	TĂNG	22.90	24.95	13.32%		24.00	22.20	8.13%	
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	21.45	1.80%		21.27	19.67	6.25%	
MSN	78.50	TĂNG	GIẢM	78.00	77.61	0.64%			81.93		
MWG	126.00	TĂNG	TĂNG	122.40	120.26	2.94%		88.70	108.74	42.05%	
NVL	62.20	TĂNG	GIẢM	64.00	61.40	-2.81%			62.33		
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PLX	60.60	GIẢM	TĂNG		62.28			59.97	59.59	1.05%	
PNJ	80.70	TĂNG	TĂNG	82.70	80.55	-2.42%		77.88	78.69	3.62%	

We Create Fortune

POW	12.30	GIẢM	GIẢM		12.78				14.03		
PVS	20.10	TĂNG	GIẢM	20.70	19.07	-2.90%			22.57		
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.32			33.80	27.78	-11.54%	
REE	39.65	TĂNG	TĂNG	37.15	36.81	6.73%		33.33	33.81	18.98%	
ROS	26.60	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-3.27%			29.25		
SSI	22.65	TĂNG	GIẢM	21.65	20.91	4.62%			23.26		
STB	10.70	TĂNG	GIẢM	10.55	10.15	1.42%			11.09		
TCB	23.10	TĂNG	TĂNG	22.65	22.30	1.99%		22.65	19.95	1.99%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-0.88%			N/A		
VCB	81.00	TĂNG	TĂNG	80.00	78.85	1.25%		62.00	73.39	30.65%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	56.50	TĂNG	GIẢM	55.20	52.00	2.36%			N/A		
VGI	31.00	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	88.70	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	1.60%		90.20	79.23	-1.66%	
VIB	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	17.87	0.00%	MUA	17.70	16.40	2.82%	
VIC	119.00	GIẢM	TĂNG		123.16			112.00	113.76	6.25%	
VJC	136.00	GIẢM	TĂNG		139.67			124.50	125.49	9.24%	
VNM	130.00	TĂNG	TĂNG	124.00	122.38	4.84%			128.24		
VPB	21.65	TĂNG	TĂNG	19.10	20.74	13.35%		20.30	18.50	6.65%	
VRE	32.75	GIẢM	GIẢM		34.78			34.00	33.61	-1.15%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.65	GIẢM	GIẢM		16.39				17.82		
ANV	25.90	TĂNG	GIẢM	25.90	25.51	0.00%	MUA		27.58		
ASM	7.45	TĂNG	TĂNG	6.30	7.08	18.25%		7.61	6.66	-2.10%	MUA
BMP	52.00	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	0.39%		48.30	45.44	7.66%	
BWE	25.90	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.81%		19.44	25.45	33.23%	
C4G	7.00	GIẢM	GIẢM		7.32				8.53		
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	20.75	GIẢM	GIẢM		21.17				22.52		
CRE	24.70	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-2.76%			26.06		
CTI	23.95	TĂNG	GIẢM	24.00	22.80	-0.21%			24.64		
CTR	44.70	TĂNG	#N/A	46.50	38.74	-3.87%		-	#N/A		
DCM	7.50	TĂNG	GIẢM	8.47	7.49	-11.45%		8.54	7.92	-7.29%	
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	13.48	1.75%		13.90	12.65	4.32%	
DPM	13.60	TĂNG	GIẢM	13.60	13.50	0.00%	MUA		14.62		
DRC	23.95	TĂNG	TĂNG	22.80	22.69	5.04%		21.60	19.76	10.88%	
DXG	16.90	TĂNG	TĂNG	16.15	16.31	4.64%		15.50	13.41	9.03%	
E1VFN30	15.20	TĂNG	TĂNG	14.62	15.00	3.97%		15.26	15.16	-0.39%	MUA
FCN	12.20	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FLC	3.64	GIẢM	GIẢM		3.74				4.03		
FTM	2.79	GIẢM	GIẢM		3.89				10.36		
GEG	27.00	GIẢM	TĂNG	22.80	27.52	20.69%	BÁN	12.90	23.98	109.30%	
GEX	22.20	TĂNG	TĂNG	22.20	21.94	0.00%		20.20	19.99	9.90%	
GMD	27.90	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.18%		28.50	26.02	-2.11%	
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.96			15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.70	GIẢM	#N/A		14.50			-	#N/A		
HAG	4.53	GIẢM	GIẢM		4.67				5.34		
HBC	14.60	TĂNG	GIẢM	13.70	13.64	6.57%			15.19		
HCM	24.80	TĂNG	TĂNG	22.15	22.27	11.96%		23.40	23.15	5.98%	MUA
HDG	35.00	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-0.85%	
HPX	26.45	GIẢM	#N/A		27.51			-	#N/A		
HSG	6.47	GIẢM	GIẢM		6.78				7.44		
HT1	15.15	GIẢM	GIẢM		15.79				16.70		
IBC	20.15	GIẢM	TĂNG		20.57			24.90	20.15	-19.08%	
IDI	7.29	TĂNG	TĂNG	6.34	7.10	14.98%		7.53	6.81	-3.19%	MUA
IJC	14.60	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-7.01%		13.10	13.12	11.45%	
ITA	3.17	GIẢM	TĂNG		3.27			3.20	2.96	-0.94%	
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.48			15.35	14.37	-3.26%	
KSB	21.80	GIẢM	TĂNG		23.11			23.90	21.11	-8.79%	
LDG	10.10	TĂNG	TĂNG	8.18	9.73	23.47%		9.89	8.90	2.12%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
MBS	15.70	TĂNG	TĂNG	15.70	15.60	0.00%	MUA	16.00	14.25	-1.88%	
MPC	26.90	GIẢM	GIẢM		27.39				34.77		
NBB	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	0.72%			22.02		
NKG	5.69	GIẢM	GIẢM		5.97				6.66		
NLG	28.05	GIẢM	TĂNG		28.58			28.70	26.73	-2.26%	
NT2	24.05	GIẢM	GIẢM		24.64				26.43		
NTC	160.70	GIẢM	GIẢM		168.71			120.00	162.94	35.79%	BÁN
NTL	23.80	TĂNG	GIẢM	23.70	22.62	0.42%			26.18		
NVB	8.30	TĂNG	TĂNG	7.60	7.38	9.21%			8.10		
OGC	3.90	TĂNG	GIẢM	4.04	3.87	-3.47%			4.31		

We Create Fortune

PC1	21.35	GIẢM	TĂNG		21.49			19.30	17.93	10.62%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	11.04%	
PHR	57.80	GIẢM	GIẢM		58.69				65.88		
PPC	26.50	TĂNG	GIẢM	26.50	25.83	0.00%	MUA		28.78		
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		69.48			60.78	64.57	12.70%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	18.50	17.30	-3.78%		18.10	15.86	-1.66%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.64				37.59		
PVT	17.55	TĂNG	TĂNG	18.20	17.27	-3.57%		18.30	16.28	-4.10%	
QCG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.79				5.28		
SAM	7.89	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.25%		7.40	7.69	6.62%	
SBT	18.00	TĂNG	TĂNG	16.50	17.39	9.09%		17.50	15.73	2.86%	
SCR	6.47	GIẢM	GIẢM		6.75				7.01		
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.60	6.25	1.52%			6.86		
SHS	8.20	TĂNG	TĂNG	7.40	6.98	10.81%			8.12		
SJS	16.50	GIẢM	GIẢM		17.29				19.71		
STK	20.35	GIẢM	GIẢM		21.53				24.36		
SZC	18.60	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	24.35	TĂNG	TĂNG	22.05	22.90	10.43%		22.50	20.63	8.22%	
TCM	23.45	TĂNG	GIẢM	23.00	21.76	1.96%			25.52		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		18.86				20.91		
TTB	23.45	GIẢM	TĂNG		23.91			24.50	22.71	-4.29%	
VCI	35.80	TĂNG	TĂNG	34.50	33.19	3.77%		36.00	30.78	-0.56%	
VGT	9.00	TĂNG	GIẢM	8.90	8.49	1.12%			9.82		
VHC	79.20	TĂNG	GIẢM	80.80	76.22	-1.98%			87.88		
VND	14.25	TĂNG	GIẢM	14.10	13.52	1.06%			15.06		
VNG	21.40	TĂNG	TĂNG	19.10	20.89	12.04%		20.20	19.13	5.94%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.20	40.55	-0.47%		41.30	39.27	1.69%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		9.96			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.42	GIẢM	TĂNG		4.55			3.99	4.34	10.78%	
AMD	1.53	GIẢM	GIẢM		1.59				1.80		
APG	9.09	TĂNG	TĂNG	9.19	8.81	-1.09%		9.90	7.90	-8.18%	
ART	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	0.00%			2.31		
BCC	7.60	GIẢM	GIẢM		7.86				8.63		

We Create Fortune

BCG	8.48	TĂNG	TĂNG	5.82	8.01	45.70%		6.39	6.81	32.71%	
C69	29.30	TĂNG	TĂNG	18.30	24.19	60.11%		5.30	20.92	452.83%	
CCL	10.10	TĂNG	TĂNG	6.38	9.58	58.31%		3.46	7.76	191.91%	
CRC	15.60	GIẢM	TĂNG		17.06			18.90	15.04	-17.46%	
CVT	21.80	TĂNG	TĂNG	21.25	20.20	2.59%		20.35	18.94	7.13%	
DAG	6.56	GIẢM	TĂNG		6.86			7.09	6.22	-7.48%	
DAH	10.15	GIẢM	GIẢM		10.48				12.48		
DGW	25.45	TĂNG	TĂNG	24.60	23.89	3.46%		23.50	21.45	8.30%	
DLG	1.53	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-4.97%			1.65		
DRH	7.30	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	15.90	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	23.26%	
EVG	2.60	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-7.14%			2.99		
FIT	3.43	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-4.46%		3.64	3.03	-5.77%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	14.00	GIẢM	TĂNG		15.52			13.00	13.89	7.69%	
HAI	1.61	GIẢM	GIẢM		1.68				1.90		
HAP	3.36	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-8.45%	
HAR	3.75	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	5.34%			3.88		
HCD	3.40	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-4.49%			3.95		
HDA	10.70	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-4.46%			12.07		
HDC	20.80	TĂNG	TĂNG	22.15	20.50	-6.09%		15.25	18.89	36.39%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	3.16	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	3.95%			3.20		
HII	11.50	TĂNG	GIẢM	11.60	11.12	-0.86%			12.29		
HQC	1.21	GIẢM	GIẢM		1.27				1.41		
HSL	8.00	GIẢM	TĂNG		8.68			9.84	7.71	-18.70%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	4.17%			2.83		
HVG	2.83	GIẢM	GIẢM		3.05				3.75		
HVH	17.85	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	3.11	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	12.68%		3.10	2.68	0.32%	
KLF	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.52	GIẢM	GIẢM		2.63				2.97		
LCG	9.80	TĂNG	GIẢM	9.60	9.11	2.08%			10.55		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		11.28			7.11	9.25	41.99%	
LHG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.25			19.30	17.32	-10.26%	<b>BÁN</b>
LMH	16.05	GIẢM	#N/A		16.73			-	#N/A		
MST	3.20	TĂNG	TĂNG	2.80	2.93	14.29%			3.16		
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	30.49%	
PHC	13.05	GIẢM	GIẢM		13.29				13.46		



We Create Fortune

PVB	19.40	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	19.27	-3.48%	
PVC	7.20	TĂNG	TĂNG	7.30	6.88	-1.37%		7.10	6.67	1.41%	
PXL	4.70	GIẢM	GIẢM		5.30				6.65		
PXS	4.68	GIẢM	GIẢM		5.09				6.02		
QBS	2.99	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.15	GIẢM	GIẢM		7.37				10.05		
SHI	9.39	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	11.92%		6.23	8.30	50.66%	
SJF	2.58	TĂNG	GIẢM	2.72	2.52	-5.15%			3.30		
SKG	11.20	GIẢM	GIẢM		11.49				12.13		
TDH	11.05	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	17.55%		10.15	9.06	8.87%	
TIG	4.00	TĂNG	TĂNG	3.40	3.35	17.65%		3.20	3.03	25.00%	
TLD	4.52	GIẢM	GIẢM		5.05			5.99	5.26	-12.13%	BÁN
TLH	4.48	GIẢM	GIẢM		4.69				5.11		
TNI	10.15	GIẢM	GIẢM		10.29				11.41		
TTF	2.87	TĂNG	GIẢM	3.00	2.84	-4.33%			3.40		
TTH	2.80	GIẢM	GIẢM		3.09				3.39		
TVB	16.70	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.80	TĂNG	TĂNG	16.80	16.60	0.00%	MUA	14.30	14.38	17.48%	
VC3	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.00%		22.00	21.35	5.45%	
VCR	19.90	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.39	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	1.19%			3.70		
VPG	22.70	TĂNG	TĂNG	21.40	22.06	6.07%		20.46	19.34	10.97%	
VRC	15.90	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	3.25%			16.26		
YBM	7.17	#N/A	GIẢM	8.56	#N/A	#N/A			9.53		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	990.75	0.35%
VN30	918.1	0.62%
VN Mid	980.81	0.53%
VN Small	804.76	-0.07%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.77	0.92%
HN30	192.96	1.04%
VNX AllSh	884.04	0.47%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.22	0.88%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	302.77	
Bán	409.53	
GT ròng	-106.76	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.77	
Bán	5.37	
GT ròng	0.40	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.25	
Bán	14.24	
GT ròng	21.01	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CVT	1100	5.31%
ANV	1300	5.28%
HCM	1150	4.86%
SSI	1000	4.62%
DPM	550	4.21%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	600	7.89%
NVB	400	5.06%
HUT	100	4.17%
MBS	600	3.97%
SGH	2000	3.60%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	6000	14.39%
VIB	900	5.20%
SIP	4400	4.74%
CTR	1700	3.95%
VEA	1600	2.91%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAX	-1300	-6.91%
DVP	-1700	-4.02%
GEG	-850	-3.05%
HAH	-400	-2.78%
VRE	-750	-2.24%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTP	-200	-0.52%
VC3	-100	-0.43%
DGC	-100	-0.38%
TAR	-100	-0.37%
CEO	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	-300	-1.74%
OIL	-100	-0.93%
FOX	-300	-0.65%
HTM	0	0.00%
QNS	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	400,508	
VHM	299,781	
VCB	299,306	
VNM	220,110	
GAS	195,988	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,290	
VCS	16,307	
VCG	11,661	
PVS	9,607	
SHB	7,820	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	164,590	
VGI	93,822	
VEA	72,887	
GVR	54,420	
MCH	52,118	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	20,518,190	19,975,267
SCR	8,088,440	3,787,791
SSI	6,380,250	1,608,959
VRE	5,167,290	2,653,356
MBB	4,386,550	4,756,443

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	6,873,268	4,460,193
HUT	2,625,537	752,157
ACB	2,320,597	2,023,527
PVS	2,002,786	2,402,977
TIG	1,936,620	448,251

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIB	3,517,190	654,794
BSR	874,720	1,596,427
QNS	748,237	826,456
VEA	544,330	316,121
LPB	330,845	275,946

Nguồn: Bloomberg & YSVN

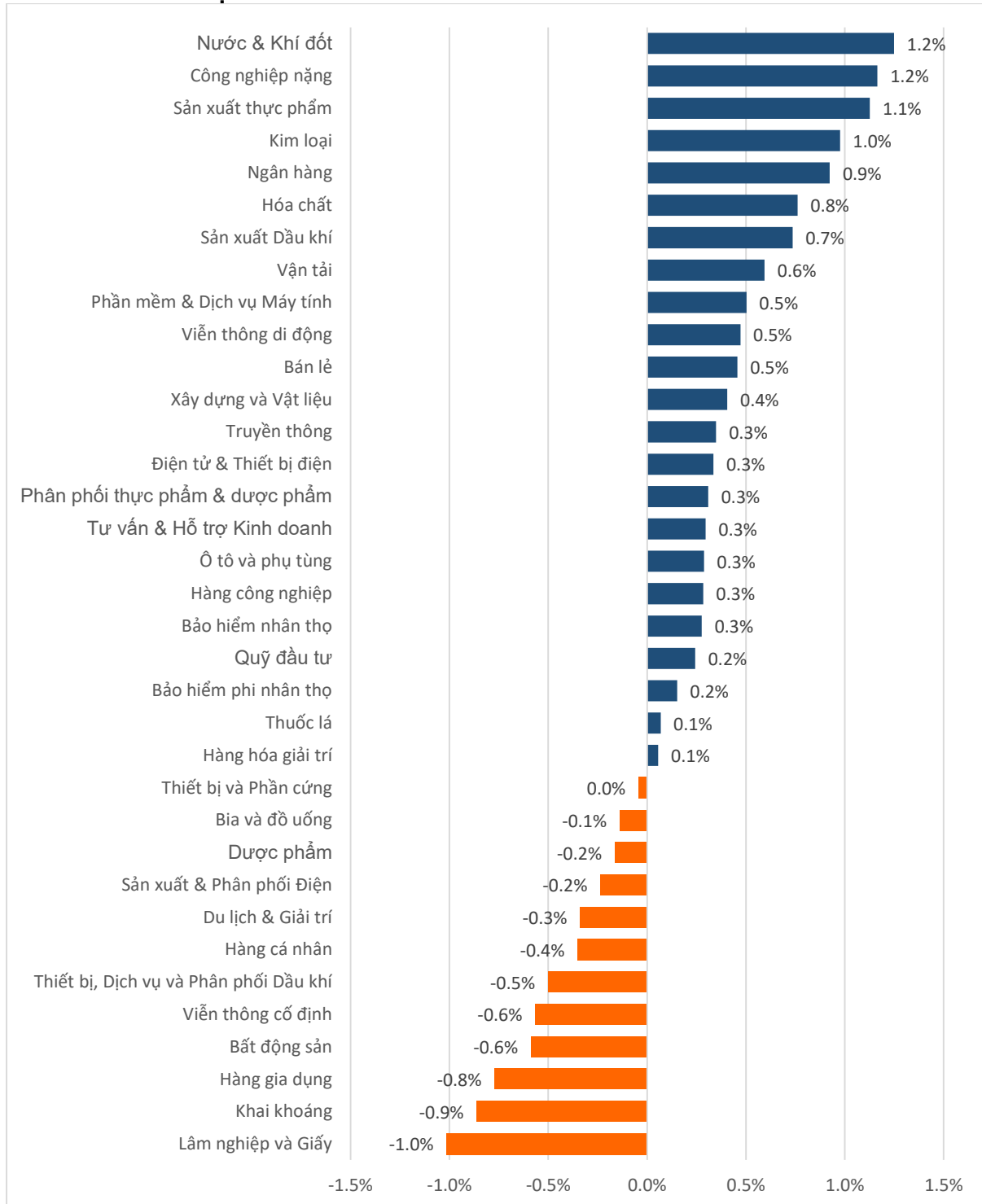
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



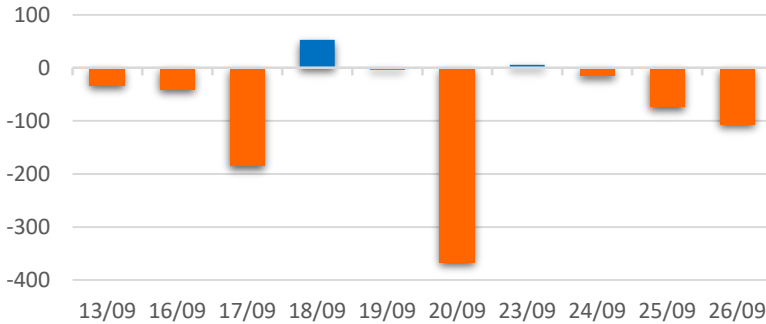
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

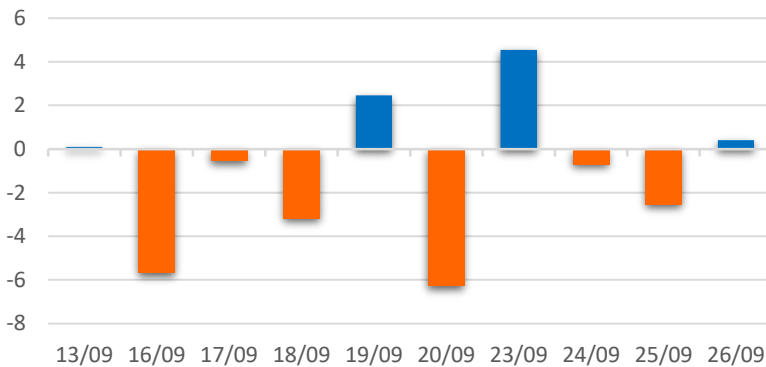
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	45,711	VCB	33,408
VCI	14,539	E1VFN30	25,633
KDH	5,833	VHM	22,073
HCM	5,715	VRE	15,078
MSH	3,471	HPG	13,443

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

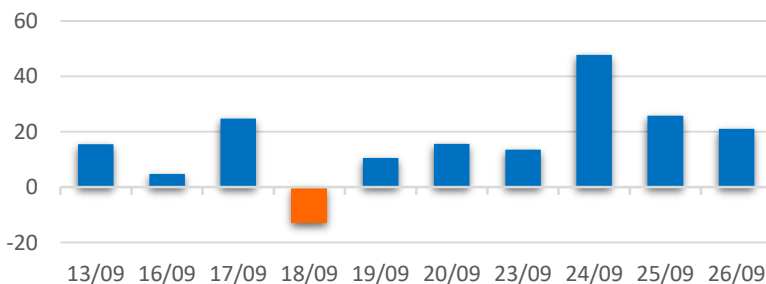
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	4,578	PVS	2,603
SRA	251	VCS	1,392
SLS	77	PVI	430
TIG	71	PVG	276
AMV	68	BVS	71

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	10,665	CTR	485
VEA	5,579	VOC	207
ACV	1,463	VGI	93
OIL	1,075	FOX	42
MPC	870	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



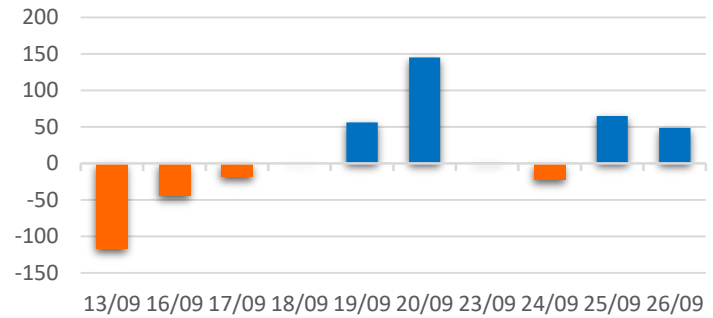
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

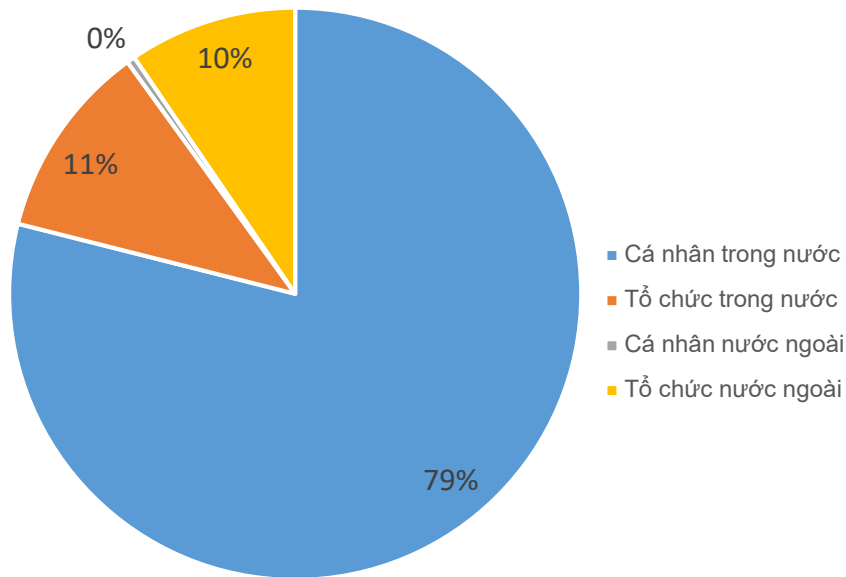
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	25,639	HPG	12,964
HPG	8,450	VCB	3,754
MBB	4,837	FPT	3,674
VNM	3,892	VNM	2,254
VIC	3,857	TCB	1,813

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

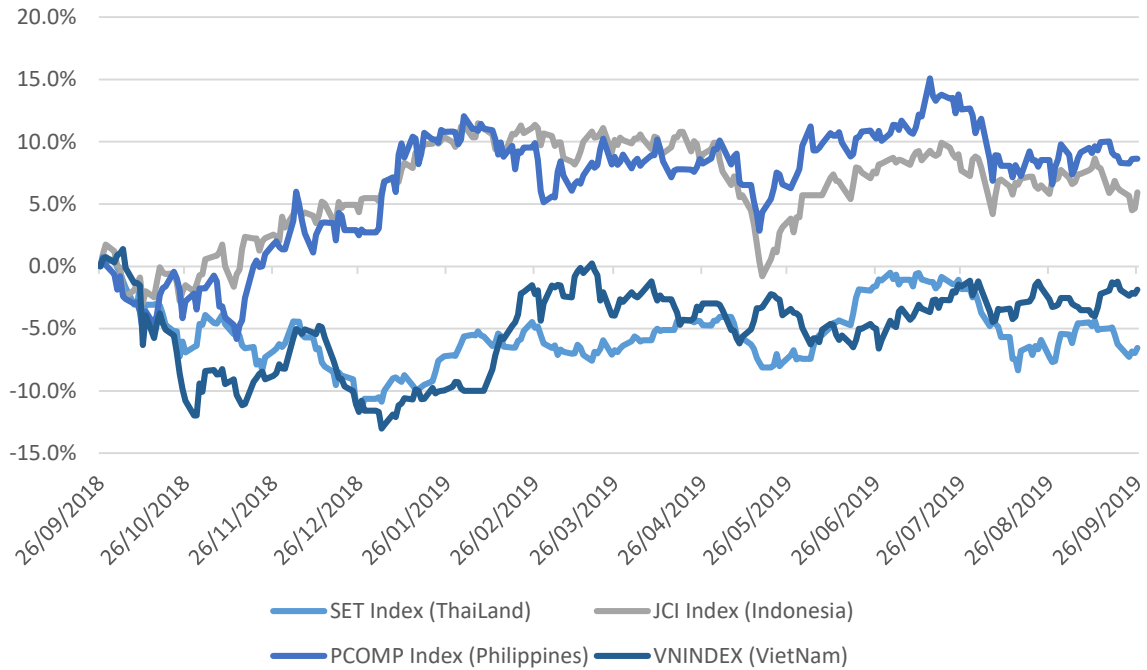


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

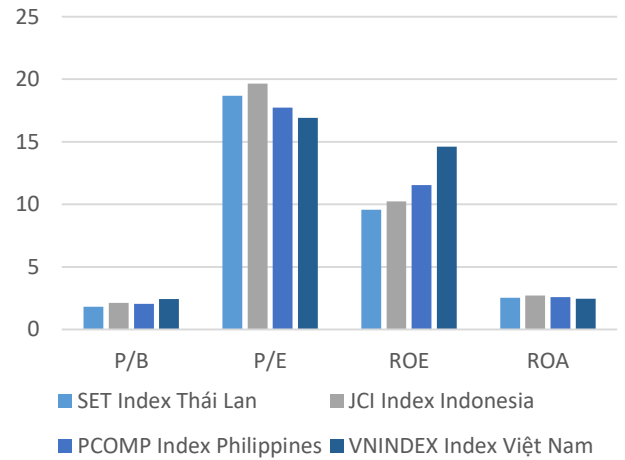
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.7x	19.6x	17.7x	16.9x
ROE	%	9.56	10.22	11.54	14.60
ROA	%	2.52	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	547.40	499.78	190.19	143.95
GTGD	Triệu USD	1.16	0.41	0.08	0.11
LS cổ tức	%	3.13	2.47	1.65	1.97

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written